

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2020
Vụ ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu
2. Ông Phạm Thành Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 730/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 933/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu N, sinh năm 1993; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Trần Đình N, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Thu N trình bày:

Chị và anh Trần Đình N tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 18 tháng 02 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị lên tỉnh G làm ăn. Quá trình chung sống,

anh N thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng, đánh đập chị. Chị cố gắng chịu đựng nhưng anh N vẫn không thay đổi nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở thôn T, xã P từ năm 2014 đến nay, từ đó đến nay chị và anh N không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy không thể chung sống với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình N.

Chị và anh N có 01 con chung tên là Trần Quốc B, sinh ngày 19/01/2011, hiện nay con đang sống với anh N. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh N và giao cháu Trần Quốc B cho anh N nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Trần Đình N cư trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng anh Trần Đình N vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Trần Đình N không đến Tòa làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Chị N và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị N và anh N là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống chung, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, anh N thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng, đánh đập chị N. Chị N cố gắng chịu đựng nhưng anh N

vẫn không thay đổi nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở từ năm 2014 đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Tuy đã được thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh N không có ý kiến gì về việc chị N ly hôn. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị N được ly hôn anh N.

[4] Về con chung: Chị N và anh N có 01 con chung tên là Trần Quốc B, sinh ngày 19/01/2011, hiện nay con đang sống với anh N. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống ly thân anh N vẫn đảm B chăm sóc, giáo dục để cháu B được phát triển bình thường và cháu B cũng có nguyện vọng sống cùng với ba. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu B cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh N không có tài sản chung.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chị Trần Thị Thu N được ly hôn anh Trần Đình N.

2. Giao con chung là cháu Trần Quốc B, sinh ngày 19/01/2011, hiện nay con đang sống với anh N cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Trần Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003318 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã Phước Hưng, H.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Duy Minh

